

Số: 19/2022/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 06 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Dạ Oai, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn*: Ông Trịnh A, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Dạ Oai, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào khoản khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị B và ông Trịnh A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1: *Về con chung*: Các con chung đã thành niên, không bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.2: *Về tài sản chung*: Quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị B, ông Trịnh A có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản chung khi ly hôn. Tuy

nhiên, sau đó giữa bà Huỳnh Thị B, ông Trịnh A đã thỏa thuận tự phân chia tài sản chung và nguyên đơn bà Huỳnh Thị B đã rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn, các bên không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3: *Về nợ chung*: Bà Huỳnh Thị B và ông Trịnh A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.4: *Về chi phí tố tụng*: Bà Huỳnh Thị B thỏa thuận chịu toàn bộ chi phí tố tụng và đã thanh toán xong.

2.5: *Về án phí*: Bà Huỳnh Thị B thỏa thuận nộp toàn bộ tiền án phí dân sự (*hôn nhân gia đình*) sơ thẩm của vụ án theo quy định của pháp luật là 150.000đ (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.100.000 đồng (*mười một triệu một trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004017 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, bà Huỳnh Thị B đã nộp đủ tiền án phí.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị B số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chênh lệch là 10.950.000 đồng (*mười triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Đ (02);
- Chi cục THADS huyện Đ (02);
- UBND xã Đa Oai, huyện Đ (01);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Các đương sự (02);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Ấn văn (03);

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Lập